

Tính lợi ích trong dư luận xã hội vùng dân tộc thiểu số và vấn đề vận dụng trong định hướng dư luận xã hội

Phan Tân

NXB Khoa học xã hội

Bùi Minh Hào

Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn

Lê Thị Hồng Nhung

Trường Đại học Công đoàn

Email liên hệ: phantanh@gmail.com

Tóm tắt: Tính lợi ích là một tính chất quan trọng của dư luận xã hội (DLXH). Dù trên cấp độ cá thể hay nhóm, cộng đồng, thậm chí là quốc gia, DLXH cũng luôn chịu sự ảnh hưởng của tính lợi ích. Mỗi cá nhân hay nhóm xã hội đều luôn cố gắng điều khiển, định hướng các luồng DLXH theo chiều hướng có lợi cho mình. Nhưng lợi ích giữa các cá nhân và các nhóm không phải bao giờ cũng đồng nhất với nhau nên có thể nảy sinh những “va chạm lợi ích” trong quá trình trao đổi, thảo luận, bàn bạc để hình thành DLXH. Thực tế cho thấy, cùng một vấn đề, sự kiện, hiện tượng xã hội lại có những luồng ý kiến, dư luận khác nhau. Dựa vào phương pháp tiếp cận định tính nghiên cứu ở vùng dân tộc thiểu số, bài viết này muốn góp phần chứng minh tính lợi ích trong xã hội rất đa dạng nên DLXH cũng đa chiều và không phải khi nào cũng có thể định hướng DLXH theo một chiều hướng nhất định. Và qua đó cũng mở ra những định hướng DLXH qua việc phân tích tính lợi ích, điều hòa lợi ích của các bên liên quan.

Từ khóa: Dư luận xã hội; tính lợi ích; hài hòa lợi ích; dân tộc thiểu số

The interest in public opinion in ethnic minority areas and applying issues in public opinion orientation

Abstract: The interest is an important feature of public opinion. Whether on the individual, group, community or even nation level, public opinion is always influenced by interest. Each individual or social group always tries to control and direct the flow of public opinion in a direction for his interest. But the interest between individuals and groups are not always identical, so there may be “conflicts of interest” in the exchange and discussion to form social opinion. In fact, the same problem, event, and social phenomenon have different flows of public opinion. Based on the qualitative research on public opinion of ethnic minorities, this article proves that because the interest in society is so diverse, public opinion is also multidimensional and cannot be directed by one certain way. Thereby, the article also opens up methods to orient the public opinion by analysing the interest, harmonizing the interest of stakeholders.

Keywords: Public opinion; interest, harmonious interest; ethnic minority

Ngày nhận bài: 24/06/2020

Ngày duyệt đăng: 01/10/2020

1. Đặt vấn đề

Dư luận xã hội là một phương diện thể hiện các quan điểm và nhận thức về hiện thực xã hội của con người. Dù phản ánh thế nào đi chăng nữa thì DLXH luôn có những giá trị nhất

định trong việc cải tạo xã hội theo hướng tích cực hơn. Vậy nên DLXH cần được nghiên cứu nghiêm túc và sâu rộng để góp phần vào việc định hướng phát triển đất nước cũng như nhận thức và giải quyết những vấn đề bất cập trong xã hội được nhiều người quan tâm. Xét trên một góc độ nào đó, DLXH cho đến đầu thế kỷ XXI vẫn còn là lĩnh vực mới mẻ ở Việt Nam. Vẫn chưa có nhiều người xem DLXH như là một lĩnh vực, một vấn đề cần nghiên cứu. Phần lớn xem nó như là một phần trong công việc của những người làm tuyên giáo, vốn là những người xem DLXH như là đối tượng để theo dõi, điều chỉnh, định hướng và giải quyết. Người ta quên mất rằng, DLXH là một hiện thực xã hội, nó tồn tại mãnh liệt và chịu tác động của nhiều yếu tố. Việc định hướng DLXH được nhiều thể chế chính trị quan tâm nhưng không phải khi nào cũng thành công. Bởi xét cho cùng, đó là một hiện thực xã hội. Trong vài năm gần đây, DLXH đã vượt qua ngoài mối quan tâm của báo chí lẫn tuyên giáo, trở thành một đối tượng của nhiều ngành khoa học xã hội. Điều đó cũng thể hiện khuynh hướng đa dạng hóa trong tiếp cận nghiên cứu khoa học xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh hiện tại.

Từ nhiều năm nay, DLXH đã được nhiều nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực như báo chí, xã hội học, nhân học, chính trị học,... quan tâm và nghiên cứu. Với nhiều góc độ khác nhau, các nghiên cứu về DLXH đã góp phần làm cho con người nhận thức rõ hơn về hiện thực cuộc sống, về các vấn đề bất cập được người dân phản ánh. Qua đó góp phần vào việc cải tạo xã hội và xây dựng đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế và kinh tế thị trường. Tuy nhiên, những nghiên cứu về DLXH tập trung chủ yếu vào đối tượng là người Kinh ở vùng miền xuôi nhiều hơn, còn với các đối tượng ở vùng DTTS thì vấn đề này vẫn còn chưa được quan tâm nhiều. DLXH vùng DTTS hình thành trong những bối cảnh văn hóa riêng biệt của các cộng đồng DTTS nên cũng có những tính chất riêng biệt. Đối với Việt Nam, một quốc gia đa dân tộc thì phát triển vùng DTTS là một vấn đề quan trọng được Đảng và Nhà nước quan tâm nhiều. Để định hướng phát triển vùng DTTS một cách phù hợp và hiệu quả thì cần nắm bắt được ý kiến, quan điểm, suy nghĩ của người dân về những vấn đề liên quan đến cuộc sống của họ. Tức là cần quan tâm đến các vấn đề DLXH vùng DTTS. Không chỉ nắm bắt mà còn phải nghiên cứu, lý giải các vấn đề DLXH ở vùng dân tộc nhằm vào mục đích định hướng DLXH trong quá trình phát triển. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến DLXH thì tính lợi ích có một vai trò quan trọng. Tính lợi ích có tác động mạnh mẽ đến DLXH vùng DTTS. Vậy nên, để hiểu rõ hơn về DLXH vùng DTTS, cần quan tâm nghiên cứu đến vấn đề tính lợi ích trong DLXH, nhất là sự tác động, chi phối của tính lợi ích trong DLXH.

2. Tính lợi ích trong dư luận xã hội vùng dân tộc thiểu số

2.1. Tính lợi ích và hành vi con người

Tính lợi ích, tính vị lợi hay tư lợi với hành vi con người có mối quan hệ khăng khít. Mối quan hệ này được nhiều ngành khoa học xã hội xem là đối tượng nghiên cứu, cũng từ đó mà hình thành nên nhiều trường phái khoa học trong lịch sử. Điều đó đủ để chứng minh vai trò quan trọng của mối quan hệ này trong đời sống xã hội. Xét cho cùng, tính lợi ích là một vấn đề quan trọng của cuộc sống con người, vì nó đảm bảo cho cuộc sống của con người theo một định hướng, mục tiêu nhất định nào đó, do đó hành vi con người luôn chịu ảnh hưởng bởi yếu tố lợi ích.

Trong lịch sử nghiên cứu, đã có nhiều quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa tính lợi ích và hành vi con người. Quan điểm nhấn mạnh đến vai trò chi phối của tính lợi ích đối với hành vi con người đã từng rất phổ biến và hình thành cả trào lưu rộng lớn là *chủ nghĩa vị lợi* với

hiều trường phái khác nhau. Một trong những học giả có ảnh hưởng lớn trong chủ nghĩa vị lợi là triết gia người Anh Jeremy Bentham (1748-1832) đã nhấn mạnh: “Nguyên tắc chính của sự hữu ích là nó ủng hộ hay không ủng hộ của mỗi hành động bất kể khuynh hướng của nó có thể làm tăng hoặc giảm niềm hạnh phúc của một nhóm người mà niềm hứng thú của họ vẫn là một câu hỏi: hay, tất cả những gì giống như vậy nhưng có tên gọi khác ủng hộ hay chống lại niềm hạnh phúc đó. Tôi nói về mọi hành động bất kể nó là gì, và vì vậy không chỉ riêng đối với hành động của từng cá thể tư nhân mà còn là mọi biện pháp của một chính phủ” (Bentham, 2009, 1).

Quan điểm của chủ nghĩa vị lợi cũng được John Stuart Mill (1806-1873) phát triển thành các nguyên tắc của tính lợi ích hay sự hữu ích: “Nguyên lý của sự lợi ích không có nghĩa là bất cứ điều gì mang đến sự thỏa mãn, ví dụ âm nhạc, hay bất kì cái gì giúp chúng ta tránh sự đau đớn, ví dụ như sức khỏe tốt, được xem là phương tiện đưa tới cái gì đó gọi chung là hạnh phúc, và con người mong muốn cái lợi ích đó. Chúng được ham muốn và có thể được ham muốn trong và vì chính nó; bên cạnh việc là phương tiện, chúng còn là một phần của mục đích. Đạo đức, dựa theo chủ nghĩa vị lợi, không mang bản chất tự nhiên và cơ bản của mục đích, nhưng nó có thể trở nên như vậy; và trong những con người yêu đạo đức một cách tha thiết thì đạo đức trở thành một mục đích, được yêu mến và nâng niu, không phải là một phương tiện để tìm hạnh phúc, mà là một phần hạnh phúc của họ” (John Stuart Mill, 1998).

Nhìn chung, những người theo chủ nghĩa vị lợi đã nhận thấy vai trò của tính lợi ích trong cuộc sống của con người, và cũng công nhận nó chi phối đến các hành vi con người, nhưng lại xem xét nó dưới góc độ đạo đức học. Một trường phái khác chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa vị lợi trong việc xem xét mối quan hệ giữa tính lợi ích và hành vi con người là *chủ nghĩa thực dụng*, vốn phổ biến ở Mỹ và một số nước khác. Chủ nghĩa thực dụng nhấn mạnh đến vai trò quyết định của lợi ích đối với hành vi con người. Nhưng ở góc độ khác, chủ nghĩa thực dụng không phủ định việc con người cũng cần phải hài hòa lợi ích để phù hợp với xã hội. Nhìn chung, chủ nghĩa vị lợi hay chủ nghĩa thực dụng đều nhấn mạnh đến vai trò của tính lợi ích đối với hành vi con người, và xem tính lợi ích như là một động lực, một mục tiêu của hành vi con người.

Trong khi đó, những người chịu ảnh hưởng của quan điểm Mác-xít khi xây dựng chủ nghĩa xã hội có công nhận vai trò của tính lợi ích đối với hành vi con người, nhưng lại hướng nó thành mục tiêu để phê phán khi họ cho rằng sự vị lợi làm cho con người trở nên xấu xa hơn. Để hướng đến xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, một chế độ lấy lợi ích tập thể làm nòng cốt, người ta đặt các mũi nhọn đấu tranh vào lợi ích cá nhân nhằm triệt tiêu nó. Và kết quả là, các nước xã hội chủ nghĩa đã phải cải cách, đổi mới, hướng đến hài hòa về lợi ích nhưng cũng đề cao lợi ích cá nhân. Sự đổi mới đã mang lại nhiều kết quả khả quan. Nó góp phần chứng minh rằng trong bối cảnh bình thường, hành vi của con người chịu ảnh hưởng của tính lợi ích; người ta hành động khi tìm thấy lợi ích hợp pháp của mình.

Trong khi các nhà triết học vẫn quy mối quan hệ giữa hành vi con người và tính lợi ích về phạm trù đạo đức để xem xét, thì các nhà nhân học lại lựa chọn con đường khác. Nhân học xem xét mối quan hệ giữa tính lợi ích và hành vi của con người như là một hiện thực xã hội mà trong đó con người thực hiện các hành vi của mình để tìm kiếm lợi ích cơ bản, sau đó đóng góp vào lợi ích cộng đồng. Nhân học cũng xem tính lợi ích và hành vi con người trong mối quan hệ nhân quả với nhau thông qua các hoạt động kiếm sống. Khi tìm kiếm các điều kiện cơ bản của sự sống, chẳng có gì thôi thúc con người hành động bằng tính lợi ích. Bởi họ phải sống trước khi nghĩ đến những vấn đề khác. Nhưng các nhà nhân học không quy nạp thành

các mô hình mà tôn trọng sự đa dạng của các đối tượng khi xem xét mối quan hệ này. Họ tiếp cận nghiên cứu những đối tượng khác nhau và đưa ra những kết luận, luận điểm dựa vào hệ thống dữ liệu mà họ vừa thu thập được, vừa tạo ra chúng.

Nhìn chung, dù xem xét trên góc độ nào thì tính lợi ích luôn có tác động mạnh mẽ đến hành vi con người. Và đây cũng là mối quan hệ tương tác qua lại với nhau. Tính lợi ích là động lực, là mục tiêu để con người hành động. Và ngược lại, hành động của con người cũng quyết định đến tính chất của tính lợi ích.

2.2. Tính lợi ích trong DLXH vùng DTTS qua một số lĩnh vực đời sống xã hội

Dư luận xã hội là vấn đề rộng lớn, đa dạng, đa chiều và phức tạp, nên để đi sâu phân tích tác động của tính lợi ích trong DLXH, nhóm tác giả chỉ tập trung phân tích một số vấn đề quan trọng như: DLXH về tranh chấp đất đai; DLXH về vấn đề tôn giáo; DLXH về vấn đề hộ nghèo và chính sách liên quan; DLXH về vấn đề chính sách hỗ trợ phát triển. Qua những câu chuyện cụ thể được thu thập từ quá trình nghiên cứu thực địa trong khuôn khổ Đề tài *“Những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về DLXH vùng DTTS trong bối cảnh toàn cầu hóa”*, bài viết thảo luận về những hành vi của con người khi ứng xử với DLXH dưới tác động của tính lợi ích.

Câu chuyện thứ nhất liên quan đến vấn đề đất đai. Đất đai là một vấn đề vô cùng quan trọng và cũng luôn nhạy cảm, phức tạp ở hầu hết các địa phương trong cả nước. Đối với người dân vùng DTTS, đất đai là tài nguyên quan trọng để sinh sống, và đó cũng là một trong những thứ tài sản giá trị đối với họ. Trong lịch sử cũng đã chứng minh nhiều sự kiện lớn làm thay đổi thể chế chính trị bắt nguồn từ việc sở hữu và kiểm soát đất đai, nhất là sự việc liên quan đến người nông dân. Khi khảo sát về DLXH ở một địa phương thuộc huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, chúng tôi cũng ghi nhận được một số vấn đề liên quan đến đất đai.

Đó là câu chuyện của những người Xtiêng sinh sống trong một thôn nghèo. Trong thôn có khoảng dăm chục hộ gia đình sinh sống quây quần trong một không gian hẹp, dưới những tán cây điều già. Ban đầu người dân trong thôn khá cảnh giác với người lạ và tỏ ra dè dặt khi tiếp xúc. Sau khi một số người trò chuyện về những mối quan tâm, bức xúc của họ thì nhiều người khác cũng theo dõi và cởi mở hơn trong việc chia sẻ thông tin. Trong đó đa số mọi người đều bày tỏ sự bức xúc về vấn đề đất đai. Trước đây, họ chủ yếu canh tác xung quanh thôn và các khu vực gần đó. Nhưng vài năm trở lại đây, do dân số ngày càng tăng lên nên diện tích đất bị thu hẹp dần. Những khu đất gần cũng đã có chủ nên họ phải đi khai khẩn những mảnh đất mới cách thôn hơn 20 km để trồng cây, chủ yếu là cây điều. Ban đầu, công việc thuận lợi và phần lớn các gia đình đều có một mảnh rẫy mới, có gia đình lên đến 4-5 ha. Nhiều gia đình đã bắt đầu có thu hoạch. Cách đây vài năm, có một doanh nghiệp muốn mua lại đất khu vực này, trong đó có phần đất do người dân mới khai khẩn được. Nhà nước tiến hành thu hồi đất để bàn giao cho doanh nghiệp mà không đền bù cho người dân vì họ cho rằng người dân không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn người dân cũng không chấp nhận vì họ cho rằng xưa nay cha ông họ cũng đi khai khẩn những vùng đất chưa thuộc về người khác để làm ăn, và khi gia đình nào khai phá được thì dĩ nhiên thuộc về họ. Sự việc lên đến đỉnh điểm khi người dân chặn xe không cho chính quyền vào khu đất của họ và nhiều người trong thôn bị bắt đi. Mọi việc dần lắng xuống khi người dân bắt lực trong việc đòi đất đai cũng như đòi đền bù.

Từ câu chuyện này, nhiều vấn đề liên quan đến DLXH đã xuất hiện. Trong thôn lan truyền thông tin rằng chính quyền nhà nước đã “ăn tiền” của doanh nghiệp và cướp đất của họ để giao cho doanh nghiệp dù thật ra thì họ cũng không có bằng chứng cụ thể cho vấn đề

đó. Nhưng họ vẫn bàn tán, thảo luận về điều này mỗi khi có cơ hội và nhiều khi còn thể hiện gay gắt. Khi chúng tôi đang trao đổi với một người thì nhiều người khác cũng vây quanh lại để thể hiện bức xúc của mình. Với người dân, nhà nước phải để khu đất đó cho họ canh tác, hoặc phải đền bù cho họ thỏa đáng nếu thu hồi. Ban đầu, những bức xúc này từ một số người, nhưng dần lan rộng ra và thành nỗi bức xúc của cả cộng đồng. Ngay cả những gia đình không tham gia vào việc khai khẩn đất đai đã bị thu hồi này cũng đồng ý với sự bức xúc đó.

Trong khi đó, theo chính quyền địa phương thì vấn đề không phải vậy. Chính quyền cho rằng việc người dân đi khai khẩn đất chỗ khác mà chưa được phép là sai. Khi nhà nước có quy hoạch, chính quyền phải thu hồi đất để bàn giao cho doanh nghiệp và đền bù cho các chủ đất. Nhưng chỉ đền bù cho những chủ đất được nhà nước công nhận, có giấy tờ đầy đủ. Còn những người dân không có giấy tờ sử dụng đất thì không được đền bù. Tuy nhiên, do một số người xúi giục nên người dân đã kiện cáo rồi ngăn cản người thi hành công vụ, do đó phải xử lý mạnh hơn vì sợ người dân sẽ bị kẻ xấu lợi dụng, kích động để chống chính quyền. Chính quyền làm như vậy là vừa đảm bảo được việc thu hồi đất và đền bù cho chủ đất hợp pháp, vừa ngăn cản những hành vi chống đối chính quyền.

Như vậy, cùng một vấn đề nhưng có hai luồng ý kiến dư luận khác nhau nhằm đảm bảo lợi ích cho hai nhóm khác nhau.

Câu chuyện thứ hai liên quan đến vấn đề tôn giáo. Khi chúng tôi tiến hành khảo sát một ấp ở một địa phương thuộc huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đã ghi nhận được nhiều thông tin chia sẻ của người dân ở đây về vấn đề tôn giáo. Ấp này từng là điểm nóng về tôn giáo do có nhiều người theo đạo Thiên Chúa. Từng có thời gian chính quyền cơ sở đã gây áp lực với nhiều người dân vì họ cải đạo theo Thiên Chúa, gây nên những mâu thuẫn trong nội bộ địa phương. Nhất là giữa những người theo đạo với chính quyền và cả với những người không theo đạo.

DLXH ở đây rất bức xúc. Những người theo đạo Thiên Chúa cho rằng họ không làm trái pháp luật và cũng không bị ai chia rẽ, tác động. Họ cải đạo vì họ thấy phù hợp với niềm tin, phù hợp với cuộc sống tinh thần cũng như nhu cầu tâm lý của họ. Thế nên họ phản ứng mạnh khi chính quyền có động thái gây áp lực, bắt người dân vì cải đạo. Trong khi đó, chính quyền lại cho rằng những người cải đạo là không tốt, họ làm vậy chẳng khác gì chống phá nhà nước. Theo những người quản lý, việc người dân theo đạo Thiên Chúa có khả năng là do các thế lực phản động lôi kéo, kích động để chống phá nhà nước. Những dư luận như vậy cũng tác động đến một số người không theo tôn giáo, làm cho họ nhìn những người theo đạo Thiên Chúa bằng ánh mắt khác.

Sau nhiều năm căng thẳng, cuối cùng chính quyền cũng nhận thức lại và chấp nhận vấn đề này, cho phép người dân tự do hơn trong việc theo các tôn giáo phục vụ cuộc sống tinh thần. Nhưng những bất đồng giữa những người theo tôn giáo và nhiều người còn lại trong địa phương vẫn chưa dứt. Những câu chuyện liên quan đến tôn giáo ở vùng DTTS không chỉ có ở một vài địa phương mà luôn là vấn đề nhạy cảm của nhiều địa phương, nhiều vùng trong cả nước. Những vấn đề như ở Lộc Ninh, về mặt DLXH, ở góc độ nào đó cũng có sự ảnh hưởng của tính lợi ích. Người ta luôn cố gắng đưa ra những dư luận có lợi cho mình và nhóm của mình.

Câu chuyện thứ ba liên quan đến vấn đề chính sách hộ nghèo. Trong nhiều năm trở lại đây, Nhà nước rất coi trọng việc hỗ trợ các hộ nghèo, đặc biệt là hộ nghèo ở vùng DTTS để giúp người dân cải thiện cuộc sống. Đây cũng được xem là một chiến lược để ổn định xã hội, hạn chế bất bình đẳng trong đời sống kinh tế. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ cũng làm cho “hộ nghèo” trở thành một thứ tài sản, một thứ lợi ích mà nhiều người tranh giành lẫn nhau. Đây là

hiện tượng phổ biến ở gần như cả nước chứ không chỉ vùng DTTS. Ở những thôn xóm người Kinh vùng đồng bằng cũng có tình trạng tranh giành chế độ hộ nghèo, thậm chí là chạy chọt để được hưởng chế độ hộ nghèo. Dư luận về việc công nhận hộ nghèo cũng như những bức xúc của người dân về vấn đề này đối với chính quyền cũng như với những người khác tương đối phổ biến ở hầu hết các địa phương mà chúng tôi khảo sát.

Ở một buôn thuộc một địa phương ở huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk, chúng tôi được chứng kiến những ý kiến trái chiều từ nhiều người liên quan đến vấn đề hộ nghèo. Những gia đình đang được hưởng chế độ hộ nghèo thì cho rằng họ xứng đáng; trong khi đó, nhiều người khác vì ghen ghét, đố kỵ nên đặt điều rằng họ vì thân với cán bộ mà được công nhận hộ nghèo. Có người sau nhiều năm nhận chế độ hộ nghèo nhưng không chịu thoát nghèo, đến khi chính quyền không cho nữa thì lại kêu xin: “Tôi có làm gì sai đâu mà buôn xã lại cắt hộ nghèo của tôi” – một người phụ nữ ở đây đã nói như vậy với nhiều người khi bàn luận đến chuyện hộ nghèo. Còn với nhiều hộ không/chưa được công nhận hộ nghèo, họ lại cho rằng do buôn và xã làm không minh bạch, rằng nhiều gia đình có điều kiện kinh tế giàu hơn họ nhưng vẫn được hộ nghèo mà họ thì không. Họ cho rằng cán bộ thôn không công bằng, cán bộ giúp đỡ cho anh em, họ hàng mình được nhận chế độ hộ nghèo. Thậm chí có người còn nói muốn được hộ nghèo phải mời cán bộ đi ăn uống, hay đến tặng quà cho cán bộ mới được giúp đỡ. Còn cán bộ buôn làng, khi nói đến chuyện này, đều cho rằng người dân quá tham lam. Việc công nhận hộ nghèo được bình xét và chấm điểm công khai nên mọi người phải chấp nhận. Ai được nhận chế độ thì phải cố gắng để thoát nghèo và nhường chế độ cho gia đình khác khó khăn hơn. Rõ ràng, xem xét dưới góc độ của DLXH thì những dòng ý kiến này đều hướng đến lợi ích và bảo vệ lợi ích của mình.

Câu chuyện thứ tư liên quan đến vấn đề chính sách hỗ trợ phát triển. Khi chúng tôi khảo sát một địa phương là địa bàn sinh sống của người Raglai ở huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận, nhiều người dân trong thôn rất bức xúc về việc thực hiện chính sách hỗ trợ vay vốn mua bò cho các gia đình khó khăn.

Để giúp đỡ các gia đình khó khăn cải thiện đời sống kinh tế, Nhà nước đã quyết định hỗ trợ cho một số gia đình mua giống vật nuôi, mỗi hộ được hỗ trợ 20 triệu đồng để mua bò về chăn nuôi, trong đó gồm 5 triệu hỗ trợ không hoàn lại và 15 triệu là tiền cho vay không lãi qua ngân hàng chính sách. Việc này được giao cho Mặt trận Tổ quốc huyện thực hiện. Thay vì giao tiền cho người dân tự mua thì Mặt trận Tổ quốc đã làm việc với doanh nghiệp bò giống và mua một số lượng lớn, sau đó tổ chức cho các hộ gia đình bắt thăm để nhận bò. Sau một thời gian, người dân cho biết có nhiều con bò bị ốm và chết, nhiều con khác nuôi mãi cũng không phát triển. Khi bò ốm, họ gọi cho những người liên quan nhưng không ai hỗ trợ giải quyết. Có những con bò bị chết.

Từ đó, người dân cho rằng Mặt trận Tổ quốc huyện đã cấu kết với doanh nghiệp lừa họ khiến họ phải mắc một khoản nợ 15 triệu sau khi bò bị chết. Theo người dân, đáng ra Mặt trận Tổ quốc phải đưa tiền cho họ tự mua, hoặc cho họ đi cùng để lựa chọn bò có giá trị tương đương với số tiền đó, nếu được như vậy thì dù chất lượng bò thế nào họ cũng chịu trách nhiệm. Trong khi đó, Mặt trận Tổ quốc huyện lại cho rằng, họ làm như vậy là đúng, rằng nếu đưa tiền cho người dân mà người tiêu hết rồi không mua được bò thì như vậy Mặt trận Tổ quốc lại làm trái chính sách. Còn việc bò do Mặt trận Tổ quốc mua mà bị chết là do người dân không biết cách chăm sóc, không chịu khó chăm. Những ý kiến trái chiều như vậy khá phổ biến ở đây, hình thành nên một thuật ngữ mang tính châm biếm là “bò mặt trận”.

Như vậy, có thể thấy rõ những ảnh hưởng của tính lợi ích trong các luồng ý kiến trái chiều này.

3. Vận dụng tính lợi ích trong định hướng DLXH

Quay lại với cuộc tranh luận của J.Scott và S. Popkin về người nông dân châu Á kéo dài hơn bốn thập kỷ qua, đây thực chất là một cuộc tranh luận về phẩm chất, tính cách của người nông dân ở châu Á là duy/tình hay duy/hợp lý. Khi phân tích các dữ liệu nghiên cứu liên quan đến người nông dân ở Việt Nam, trong đó có vấn đề phong trào nông dân Xô viết Nghệ Tĩnh những năm 1930-1931, nghiên cứu của Scott (1976) đưa ra mệnh đề “sự an toàn là trên hết” để chỉ bản chất của người nông dân ở châu Á. Quan điểm này được các nhà kinh tế học đạo đức ủng hộ, họ xem những người nông dân như là những người duy tình/hợp tình/trọng tình. Ngược lại, S. Popkin (1979) tiếp cận các nhóm đối tượng khác và đưa ra quan điểm trái ngược với Scott khi cho rằng người nông dân ở châu Á rất duy lý/trọng lý khi luôn biết tính toán làm sao để theo đuổi lợi nhuận cao nhất cho bản thân, cho gia đình. Cuộc tranh luận này tạo ra nguồn cảm hứng cho một loạt các nghiên cứu nhân học ở châu Á (và Việt Nam). F. Ellis (1993) với quan điểm kinh tế học nông nghiệp, mở rộng thêm quan điểm kinh tế đạo đức của J. Scott về người nông dân châu Á. Tiếp theo đó, Jennifer Sowerwine (2008) từ một nghiên cứu cụ thể hơn về người Dao ở vùng núi Ba Vì (Hà Nội) tiếp tục củng cố quan điểm về tư duy kinh tế hợp tình mà J. Scott đặt ra.

Nói chung, ở nhiều cách tiếp cận khác nhau cả về quan điểm, phương pháp và quy mô khảo sát, vấn đề vốn con người của các cộng đồng đã được các nhà nghiên cứu quy về các khung mẫu khác nhau. Tuy nhiên, những cuộc tranh luận này càng làm rõ thêm về sự ảnh hưởng tính lợi ích đến hành vi con người. Đương nhiên, tính lợi ích không chỉ được hiểu bó hẹp vào những lợi ích cá nhân ích kỷ mà phải hiểu rộng ra là những gì có lợi mà chủ thể muốn thực hiện, bao gồm cả lợi ích cá nhân, lợi ích cộng đồng và lớn hơn là lợi ích chung của nhân loại. Trên cơ sở đó, xin được thảo luận thêm vài ý kiến về những câu chuyện liên quan đến tính lợi ích trong DLXH đã trình bày ở trên.

Trước hết, qua những câu chuyện trên có thể thấy, nhiều khi *DLXH được kiến tạo ra để tìm kiếm lợi ích cho những cá nhân hay nhóm nhất định*. Với cùng một sự việc, một vấn đề nhưng có thể có nhiều ý kiến khác nhau. Thông thường, các nhóm có lợi ích đối lập sẽ tạo ra những dư luận có lợi cho mình và đẩy nguyên nhân gây rắc rối về phía bên kia. Chưa tính đến bản chất vấn đề thực sự ra sao, nhưng những người liên quan thường đưa ra ý kiến, quan điểm có lợi cho bản thân và nhóm của mình. Điều này cũng có thể do đó là góc nhìn mang tính lợi ích của họ, cũng có thể do họ thực sự nhận thức vấn đề như vậy. Người dân cũng biết cách tạo ra dư luận thông qua những cuộc trò chuyện, trao đổi với nhau và đưa ra các ý kiến của mình sao cho có lợi nhất. Và họ cũng không ngừng chia sẻ để ý kiến đó tác động đến nhiều người. Ở chiều ngược lại, những người có lợi ích đối kháng cũng không chấp nhận điều này, họ cũng tìm cách tạo ra những dư luận truyền tải ý kiến bảo vệ lợi ích cho mình. Trong trường hợp đó, lợi ích vô hình trung đã chi phối đến DLXH.

Thứ hai, nếu lợi ích chi phối đến DLXH thì người ta cũng không ngừng tìm cách *kiểm soát DLXH để bảo vệ lợi ích của mình*. Không chỉ cá nhân hay một nhóm, mà cả các quốc gia cũng luôn hướng đến việc kiểm soát DLXH, thực chất là để bảo vệ quyền lợi, lợi ích của những bộ máy chính trị. Ví dụ như trong câu chuyện về đất đai ở huyện Bù Đăng, người dân luôn củng cố ý kiến của mình là đúng khi lập luận rằng cha ông họ ngày trước đi khai khẩn đất hoang để canh tác, sau này mới có điều kiện để làm giấy tờ chứng nhận, và họ cho rằng sau khi đã khai

hoang thì đất đó nghiêm nhiên thuộc về họ, Nhà nước thu hồi đất này mà không đền bù là không thoả đáng. Trong khi đó, chính quyền cũng bảo vệ quan điểm của mình, cho rằng chỉ đền bù đất đai khi có giấy tờ chứng nhận chủ đất từ người dân. Công cụ để chính quyền bảo vệ lợi ích và kiểm soát dư luận chính là pháp luật và bộ máy tổ chức nhà nước. Sau đó, về lâu dài, người dân cũng phải lắng xuống chấp nhận sự việc. Xét cho cùng, con người luôn tìm mọi cách để bảo vệ lợi ích của mình, vì lợi ích chính là cuộc sống, và lợi ích hợp pháp chính là động lực cho sự phát triển. Tuy nhiên, nếu việc tạo ra DLXH trở nên dễ dàng hơn với mọi nhóm người thì việc kiểm soát DLXH cần nhiều quyền lực hơn, do đó không phải nhóm nào cũng làm được.

Cuối cùng, có thể thấy xung đột dư luận chính là xung đột lợi ích. Những nhóm ý kiến trái chiều nhau trong DLXH thực chất là biểu hiện của xung đột lợi ích. Khi toàn xã hội đồng tình về một vấn đề thì DLXH thường không có sự xung đột. Nhưng nếu xuất hiện những quan điểm trái chiều, khả năng lớn là do sự xung đột lợi ích giữa các nhóm liên quan. Trong cả bốn câu chuyện trên đều có sự xung đột trong DLXH, và thực tế cũng là sự xung đột giữa lợi ích của các nhóm khác nhau. Nhận thức được vấn đề này sẽ gợi mở ra nhiều vấn đề khác nhau trong nghiên cứu DLXH, đặc biệt trong việc định hướng DLXH dựa vào việc điều chỉnh hài hoà lợi ích giữa các nhóm trong xã hội.

4. Kết luận

Để hài hoà được lợi ích, cần hiểu hơn về lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Không có xã hội nào chỉ có lợi ích cá nhân hay lợi ích cộng đồng. Tuyệt đối hoá lợi ích cá nhân sẽ dẫn xung đột xã hội liên miên và không thể giải quyết. Còn tuyệt đối hoá lợi ích cộng đồng lại là con đường lý tưởng hoá, thiếu hiện thực và nhiều khi cổ vũ cho sự hình thức, giả dối tập thể. Vậy nên, hài hoà lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng là con đường để phát triển bền vững. Cơ sở để hài hoà lợi ích chính là hệ thống pháp luật đúng đắn và phù hợp. Đương nhiên đó chỉ là một điều kiện cần, nó còn phải được thực thi nghiêm túc với một bộ máy quản lý hiệu quả. Lợi ích chỉ được hài hoà khi những lợi ích hợp pháp, chính đáng được bảo vệ và những hành vi trục lợi phi pháp được xử lý nghiêm khắc. Bên cạnh những bộ máy quyền lực để đảm bảo sự hài hoà lợi ích giữa các nhóm, các cá thể cũng như cộng đồng thì cũng cần đến DLXH. Dư luận xã hội chính là ý kiến chia sẻ, thảo luận và giám sát của nhiều người đến các vấn đề xã hội nên nó cũng được xem là một công cụ để bảo vệ những lợi ích hợp pháp.

Ngay cả hệ thống luật pháp cũng do con người dựa vào tình trạng hiện thực xã hội mà xây dựng nên. Hiện thực xã hội thay đổi từng giờ, từng ngày nên hệ thống luật pháp, chính sách nhà nước cũng cần thay đổi. Cách thay đổi cần thiết nhất là dựa vào ý kiến của nhiều người. DLXH là một kênh để thể hiện, nắm bắt ý kiến nhiều người một cách nhanh chóng. Tất cả những câu chuyện liên quan mà chúng tôi đã đề cập ở trên đều có thể xem xét và có cách xử lý đúng đắn nếu biết tôn trọng, lắng nghe DLXH và phân tích rõ ràng về lợi ích của những bên liên quan. Khi xác định được lợi ích nào là chính đáng và hợp pháp thì phải tìm cách để xử lý thoả đáng, trong trường hợp chính sách chưa có cách thức xử lý thì cần xem xét lại để bổ sung. Đó chính là giá trị tích cực của DLXH. Còn nếu xem DLXH như là kẻ thù, luôn trái chiều và tiêu cực, tìm mọi cách triệt tiêu thì những xung đột sẽ tiếp tục xảy ra và ngày càng gay gắt hơn. Nhất là trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay, mọi thứ lan truyền nhanh chóng, các mạng lưới xã hội ngày càng dày đặc và không dễ gì kiểm soát được. Vậy nên, thay vì tìm cách hạn chế, kiểm soát và triệt tiêu DLXH thì hãy xem đây như một nguồn lực, một diễn đàn để tham khảo ý kiến của nhiều người. Hãy để DLXH trở thành một công cụ để bảo vệ những lợi ích hợp pháp và chính đáng của con người.

Định hướng DLXH luôn được các nhà quản lý cũng như các bộ máy chính trị quan tâm. Nhưng đây là điều không dễ và càng ngày sẽ càng khó hơn khi mà công nghệ thông tin tiếp tục bùng nổ. Tuy nhiên, nếu các cách can thiệp truyền thống mang tính trực tiếp vào DLXH ngày càng thể hiện nhiều hạn chế, thì cũng có những cách thức định hướng gián tiếp xuất hiện và có những giá trị nhất định đối với việc định hướng DLXH. hài hoà lợi ích là một phương pháp để định hướng DLXH rất đáng quan tâm. Như đã nói, xung đột DLXH chính là sự thể hiện của xung đột lợi ích, do đó hài hoà lợi ích chính là để định hướng DLXH. Hài hoà lợi ích ở đây là tôn trọng các lợi ích chính đáng, hợp pháp chứ không phải dung hoà, nhân nhượng cho những lợi ích bất hợp pháp. Làm sao để hài hoà lợi ích là vấn đề vô cùng nan giải, nó phải tùy thuộc vào sự việc và bối cảnh cụ thể. Tuy nhiên, cần nhận thức rõ các loại lợi ích như lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng; lợi ích ngắn hạn và lợi ích dài hạn; lợi ích hợp pháp và lợi ích phi pháp. Cần có những chiến lược phát triển, xây dựng hệ thống chính sách sao cho hợp lý để tạo môi trường lành mạnh nhằm đảm bảo sự hài hoà lợi ích giữa nhiều người liên quan. Khi lợi ích các bên liên quan được hài hoà, DLXH sẽ tích cực lên và đóng góp thêm vào quá trình phát triển xã hội./.

Tài liệu tham khảo

- Bentham, J. (2009). *An Introduction to the Principles of Morals and Legislation* (Dover Philosophical Classics). Dover Publications Inc.
- Ellis, F. (1993). *Peasants Economics: Farm Households and Agrarian Development*, 2nd Edition. Cambridge University Press.
- Ellis, F. (2000). *Rural livelihood and diversity in developing Countries*. Oxford Univesity Press.
- McElwee, P. (2007). *From the Moral Economy to the World Economy: Revisiting Vietnamese Peasants in the Globalizing Era*. Journal of Vietnamese Studies, 3, 2, 57-107.
- Mill, J.S. (1998). Crisp, Roger, biên tập. *Utilitarianism*. Oxford: Oxford University Press.
- Samuel, L.P. (1979). *The rational Peasant. The political Economy of rural Society in Vietnam*. University of California Press, Ltd. USA.
- Neefies, K. (2008). *Môi trường và sinh kế: các chiến lược phát triển bền vững*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- James, C.S. (1976). *The Moral Economy of the Peasant: Rebellion and Subsistence in Southeast Asia*. Yale Univ Pr. USA.
- Jennifer, S. (2008). *Nhà nước biến đổi và các quy luật thị trường: biến đổi ruộng đất và nền kinh tế thị trường duy tình ở vùng núi Ba Vì, Việt Nam*. In trong "Thời kỳ mở cửa: Những chuyển đổi kinh tế - xã hội ở vùng cao Việt Nam". Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội, 37-64.
- Nguyễn Đăng Thành. (2010). *Đặc điểm nguồn nhân lực dân tộc thiểu số Việt Nam: Bằng chứng thu thập từ cuộc điều tra hộ gia đình dân tộc thiểu số năm 2009 tại 11 tỉnh*. Nxb Lao động Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Thành (chủ biên) và các cộng sự. (2010). *Một số vấn đề về phát triển nguồn nhân lực dân tộc thiểu số cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*. (2 tập). Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Nguyễn Đăng Thành. (2012). *Phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số Việt Nam: Đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.